

Số: 40 /CV- SGDHN

V/v: chênh lệch LNST năm 2015 giữa BCTC
kiểm toán và BCTC tự lập

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2016

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Sách Giáo dục tại TP Hà Nội – mã chứng khoán: EBS - xin giải trình lý do chênh lệch về Lợi nhuận sau thuế (LNST) giữa BCTC kiểm toán năm 2015 với BCTC Công ty tự lập như sau:

LNST năm 2015 theo BCTC của Công ty tự lập: 8.181.123.067 đồng.

LNST báo cáo kiểm toán là 8.211.614.169 đồng là do Công ty đã điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán, cụ thể như sau:

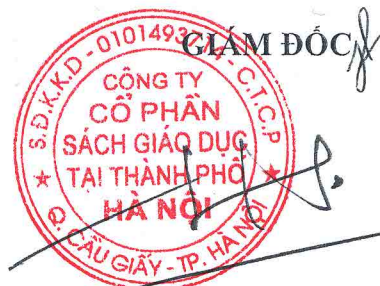
STT	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Giá vốn hàng bán giảm	127.041.559
2	Chi phí bán hàng tăng	-28.820.109
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng	-48.639.351
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp tăng	-19.090.997
Tổng cộng chênh lệch tăng (1 +2 + 3 + 4)		30.491.102

Như vậy sau Kiểm toán, Lợi nhuận sau thuế của Công ty là 8.211.614.169 đồng – tăng 30.491.102 đồng so với LNST năm 2015 theo BCTC Công ty tự lập.

Trân trọng thông báo!

Nơi nhận

- Như kính gửi
- Lưu HC



CÁN HỮU HẢI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT -TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đặng Thanh Hải	Chủ tịch
Ông Cán Hữu Hải	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Thành viên
Ông Hà Sỹ Tuyển	Thành viên
Bà Hoàng Thị Lan Anh	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Cán Hữu Hải	Giám đốc
Ông Phạm Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên	Phó Giám đốc
Ông Hà Sỹ Tuyển	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Xuân Thành	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên
Bà Trần Thị Uyên	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Nhà D tầng 2 khu VP Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

Số: 164 /2016/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội được lập ngày 19/02/2016, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm

toán Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2016

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm

toán Số: 2290-2013-002-1

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN
AASC
HOÀN KIẾM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		126.027.740.310	98.323.836.756
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	9.339.667.711	13.399.903.889
111	1. Tiền		4.339.667.711	3.399.903.889
112	2. Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000	10.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	28.869.736.000	14.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		869.736.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		28.000.000.000	14.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		37.921.309.101	35.988.412.646
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	30.486.388.642	24.043.426.259
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.687.108.242	5.111.428.431
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	6.020.000.000	7.705.184.245
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	1.076.155.984	1.365.920.015
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.348.343.767)	(2.237.546.304)
140	IV. Hàng tồn kho	9	49.071.143.700	33.876.638.001
141	1. Hàng tồn kho		49.717.628.733	34.226.016.298
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(646.485.033)	(349.378.297)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		825.883.798	1.058.882.220
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	825.883.798	622.976.533
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	-	435.905.687

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.861.207.613	27.080.920.012
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.030.000.000	1.110.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.030.000.000	1.110.000.000
220	II. Tài sản cố định		3.505.112.599	1.681.770.189
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	3.505.112.599	1.681.770.189
222	- Nguyên giá		5.812.973.455	3.349.010.273
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.307.860.856)	(1.667.240.084)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		2.670.500.000	2.620.500.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	2.670.500.000	2.620.500.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	750.000.000	930.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		750.000.000	930.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		19.905.595.014	20.738.649.823
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	19.905.595.014	20.738.649.823
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		153.888.947.923	125.404.756.768



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		31.775.169.466	21.777.499.955
310	I. Nợ ngắn hạn		31.729.169.466	21.731.499.955
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	22.786.662.987	18.384.705.006
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		3.814.500	10.905.132
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	773.825.871	382.892.107
314	4. Phải trả người lao động		5.761.697.275	1.864.841.035
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.217.520.326	721.370.208
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	103.261.935	120.392.020
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.082.386.572	246.394.447
330	II. Nợ dài hạn		46.000.000	46.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	46.000.000	46.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		122.113.778.457	103.627.256.813
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	122.113.778.457	103.627.256.813
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		102.194.840.000	102.194.840.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		102.194.840.000	102.194.840.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		669.277.482	(252.296.518)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(2.116.606.556)	(21.117.732.556)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		12.598.628.953	16.403.628.953
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.767.638.578	6.398.816.934
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		1.787.766.534	1.900.828.512
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		6.979.872.044	4.497.988.422
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		153.888.947.923	125.404.756.768



Cần Hữu Hải
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

Phạm Thị Hạnh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Hương
 Người lập

0111
 CÔNG
 RÁCH NH
 HÀNG
 HOA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2015


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	145.681.226.068	129.736.491.447
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	18.625.548
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		145.681.226.068	129.717.865.899
11	4. Giá vốn hàng bán	20	101.911.890.604	101.108.259.138
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.769.335.464	28.609.606.761
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	2.246.708.525	3.555.385.518
22	7. Chi phí tài chính		-	58.998.633
25	8. Chi phí bán hàng	22	26.146.685.453	19.052.020.286
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	9.311.972.782	7.053.721.798
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		10.557.385.754	6.000.251.562
31	11. Thu nhập khác		61.354.221	1.196.043.443
32	12. Chi phí khác		7.699.696	73.392.574
40	13. Lợi nhuận khác		53.654.525	1.122.650.869
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		10.611.040.279	7.122.902.431
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	2.399.426.110	1.831.151.344
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>8.211.614.169</u>	<u>5.291.751.087</u>
70	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh	25	776	591



Cần Hữu Hải
 Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016


 Phạm Thị Hạnh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Cẩm Hương
 Người lập

05 - C
 B TY
 M HUU H
 KIEM TC
 ASC
 KIEM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		138.223.178.773	130.531.722.136
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(127.026.898.522)	(136.148.567.420)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(13.078.553.289)	(11.249.274.439)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.320.818.029)	(2.560.392.018)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		693.059.684	4.747.250.881
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.364.939.506)	(6.048.469.443)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(6.874.970.889)</i>	<i>(20.727.730.303)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.513.963.182)	(1.505.040.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	560.909.091
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(22.889.736.000)	(21.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.705.184.245	20.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.200.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		180.000.000	16.701.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.215.549.648	4.166.505.511
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(13.302.965.289)</i>	<i>17.723.374.602</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		16.117.700.000	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(15.295.600.221)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(6.840.753.200)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>16.117.700.000</i>	<i>(22.136.353.421)</i>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(4.060.236.178)	(25.140.709.122)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.399.903.889	38.540.613.011
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>9.339.667.711</u>	<u>13.399.903.889</u>



Cần Hữu Hải
Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

Phạm Thị Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Hương
Người lập



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội tiền thân là Trung tâm Phát hành sách trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1575/QĐ - BGD&ĐT -TCCB ngày 29/03/2004 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 102.194.840.000 VND (Một trăm linh hai tỷ, một trăm chín mươi tư triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng); Tương đương 10.219.484 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND/ cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là: 145 người (tại ngày 31/12/2014 là 124 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh sách giáo dục, sách khác, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các xuất bản phẩm khác
- được phép lưu hành;
- Kinh doanh văn phòng phẩm;
- Buôn bán sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi;
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội);
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học;
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in;
- Giáo dục mầm non, giáo dục tiểu học, giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học;

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).



2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC tại Thuyết minh số 32.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.



Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư được xác định theo giá gốc.

Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác: Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ vào Báo cáo tài chính của các đơn vị nhận góp vốn tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra hoặc thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------|-----------|
| - Máy móc thiết bị | 07 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06-10 năm |
| - Thiết bị văn phòng | 03-05 năm |

2.10. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.



Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán chi tiết trên cùng hệ thống sổ kế toán của mình để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng của mình những nội dung sau đây:

- Phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản;
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của mỗi bên tham gia góp vốn liên doanh;
- Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh;
- Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

2.11. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí bán hàng được thực hiện phân bổ vào giá thành theo sản lượng sách nhập kho và thời gian trên hợp đồng thầu, phần chênh lệch sẽ được ghi nhận thẳng vào giá vốn hàng bán.

Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá trị xuất kho của các loại sách không chịu thuế và tổng giá trị tồn kho đầu kỳ cộng giá trị nhập kho trong kỳ của các loại sách không chịu thuế.

Căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành, hợp đồng về việc thuê tài sản dài hạn diện tích văn phòng tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với thời hạn thuê là 44 năm được Công ty phân loại là hợp đồng thuê hoạt động, giá trị tiền thuê trả trước được Công ty theo dõi trên khoản mục Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh số 10) và thực hiện phân bổ vào chi phí theo thời hạn thuê.

Chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.15. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời

vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	314.523.779	335.859.045
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.025.143.932	3.064.044.844
Các khoản tương đương tiền	5.000.000.000	10.000.000.000
	9.339.667.711	13.399.903.889

Tại ngày 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 5.000.000.000 VND được gửi tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) với lãi suất 4,7%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	28.000.000.000	28.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	28.000.000.000	28.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000
	28.000.000.000	28.000.000.000	14.000.000.000	14.000.000.000

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn theo các Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại Sở giao dịch Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (Maritime Bank) với thời hạn 6 tháng từ ngày gửi tiền (Hợp đồng tự động gia hạn khi hết kỳ hạn), tổng giá trị là 28.000.000.000 VND với mức lãi suất là 5,3%/năm và 5,6%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Tổng giá trị cổ phiếu	869.736.000	966.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần FPT	869.736.000	966.000.000	-	-
	869.736.000	966.000.000	-	-

Giá trị hợp lý của cổ phiếu Công ty Cổ phần FPT được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2015 trên sàn giao dịch HOSE là 48.300 VND/cổ phiếu, số lượng là 20.000 cổ phiếu.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	750.000.000	750.000.000	930.000.000	930.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	750.000.000	750.000.000	750.000.000	750.000.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Cao Bằng	-	-	180.000.000	180.000.000
	750.000.000	750.000.000	930.000.000	930.000.000

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	5%	5%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

Toàn bộ các khoản phải thu khách hàng tại thời điểm kết thúc năm tài chính là các khoản phải thu các Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học các tỉnh, các công ty thuộc Nhà xuất bản Giáo dục, các đại lý, các sở, phòng giáo dục đào tạo, trường học và các cửa hàng.

Đối với các khoản phải thu khách hàng là các bên liên quan: Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam vay	-	4.705.184.245
Cho Công ty Cổ phần sách Dân tộc vay ^[1]	2.000.000.000	2.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần in và thương mại Trường An vay ^[2]	3.500.000.000	1.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thanh Hóa vay ^[3]	520.000.000	-
	6.020.000.000	7.705.184.245

^[1] Hợp đồng vay vốn số 04.2015/SGDHN ngày 12/08/2015 với những nội dung như sau:

- Tổng số tiền cho vay: 2.000.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: 5 tháng tính từ ngày 12/08/2015 đến ngày 12/01/2016;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 10,5%/năm; có thể thay đổi cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

^[2] Hợp đồng vay vốn số 01TA/SGDHN ngày 02/01/2015 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 01TA/PLHD ngày 02/07/2015 với những nội dung sau:

- Tổng số tiền cho vay: 3.500.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: Gia hạn thời gian cho vay là 6 tháng tính từ 02/07/2015 đến 02/01/2016;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 10,5%/năm; có thể thay đổi cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Ngày 05 hàng tháng thanh toán tiền lãi của tháng trước;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

^[3] Hợp đồng vay vốn số 05.2015/SGDHN ngày 31/12/2015 với những nội dung sau:

- Tổng số tiền cho vay: 520.000.000 VND;
- Thời hạn cho vay: 3 tháng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Lãi suất: 10,5%/năm; có thể thay đổi cho phù hợp với thị trường và thỏa thuận của các bên;
- Cách thức tính lãi: Tính trên cơ sở số tiền, số ngày vay và thời gian vay thực tế;
- Thời điểm thanh toán tiền lãi: Thanh toán lãi hàng tháng trong thời hạn của hợp đồng;
- Thời điểm thanh toán gốc: Do bên vay chủ động trong thời hạn của Hợp đồng;
- Phương thức đảm bảo tiền vay: Tín chấp.

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	279.834.521	-	248.675.644	-
Ký cược, ký quỹ	139.500.000	-	331.549.225	-
Tạm ứng	295.938.379	-	329.972.149	-
Phải thu khác	360.883.084	-	455.722.997	-
- Phải thu Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[1]	200.000.000	-	200.000.000	-
- Các khoản phải thu khác	160.883.084	-	255.722.997	-
	1.076.155.984	-	1.365.920.015	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	80.000.000	-	160.000.000	-
Phải thu khác	950.000.000	-	950.000.000	-
- Phải thu Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam ^[2]	950.000.000	-	950.000.000	-
	1.030.000.000	-	1.110.000.000	-

^[1]Theo Hợp đồng góp vốn số 1E/2010/HĐGV ngày 08/07/2010 giữa Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng đầu tư xây dựng công trình cao tầng tại Quận Cầu Giấy, Hà Nội thuộc Dự án “Xây dựng Trung tâm xuất bản - Phát hành Sách giáo khoa” với những nội dung sau:

- Địa điểm thực hiện tại: Lô đất D32 thuộc khu đô thị mới Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội;
- Diện tích lô đất là 4550 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Xây dựng tòa nhà cao tầng để làm văn phòng bao gồm 2 khối (khối 1 có 5 tầng, khối 2 có 15 tầng) và 01 tầng hầm; Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của công trình trong thời hạn 45 năm kể từ ngày hoàn thiện công trình tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức đầu tư xây dựng và hoàn thành công trình;
- Tổng vốn góp dự kiến: 220 tỷ VND, trong đó: Phần vốn góp của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 15%. Tại thời điểm 31/12/2015 phần vốn góp thực tế là 200.000.000 VND và Dự án này đang tạm dừng đầu tư.

^[2]Theo Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư ngày 30/12/2013 giữa Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty đã thống nhất tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam với những nội dung sau:

- Thời gian hợp tác: 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng Nguyên tắc hợp tác đầu tư;
- Mục đích: Đầu tư cho hoạt động xuất bản nhằm phát triển hệ thống xuất bản phẩm giáo dục nói chung và Sách giáo khoa, sách bản thảo nói riêng. Kết quả đầu tư là các sản phẩm, công việc hay khoản tiền thu được từ việc đầu tư, sử dụng quỹ đầu tư xuất bản. Việc phân chia kết quả đầu tư sẽ do các bên góp vốn thực hiện trên cơ sở kết quả đầu tư và mức góp vốn của các nhà đầu tư. Rủi ro được phân chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên trong quỹ tại thời điểm chốt để phân chia rủi ro;
- Tổng vốn góp dự kiến chưa được quy định cụ thể. Tại thời điểm 31/12/2015 phần vốn góp thực tế là 950.000.000 VND.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Doanh nghiệp tư nhân Sách và Văn phòng phẩm Cuộc sống mới	751.214.823	-	751.214.823	-
Nhà sách Thành Nghĩa Thành phố Hồ Chí Minh	977.691.820	-	1.014.242.690	293.307.546
Các đối tượng khác	619.437.124	-	765.396.337	-
	2.348.343.767	-	2.530.853.850	293.307.546

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.982.932.135	-	1.766.664.622	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.817.381.602	-	17.148.415.065	-
Thành phẩm	10.706.331.771	(548.609.097)	9.004.480.100	(263.717.414)
Hàng hoá	3.369.024.405	(35.594.309)	733.545.321	(35.548.146)
Hàng gửi đi bán	9.841.958.820	(62.281.627)	5.572.911.190	(50.112.737)
	49.717.628.733	(646.485.033)	34.226.016.298	(349.378.297)



10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ	825.883.798	622.976.533
	825.883.798	622.976.533
b) Dài hạn		
- Chi phí bản thảo	2.344.881.806	4.246.391.806
- Chi phí thuê kho tại khu Công nghiệp Nam Thăng Long	2.778.409.094	3.187.500.002
- Chi phí thuê Cửa hàng 116 Cầu Diễn	151.090.911	151.090.911
- Chi phí thuê Văn phòng D2.1 Khu văn phòng và nhà ở cao cấp Vinaconex ^[1]	10.590.473.357	10.842.128.165
- Chi phí thuê Cửa hàng Kim Liên	200.000.000	200.000.000
- Chi phí sửa chữa cửa hàng	742.954.035	1.259.551.266
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	3.097.785.811	851.987.673
	19.905.595.014	20.738.649.823

^[1]Hợp đồng số 000997/2014/HĐTVP/VC1 ngày 17/09/2014 giữa Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 (VINACONEX 1) và Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội về việc thuê dài hạn diện tích văn phòng lô số D-2.1 (Tầng 2, Nhà D, Khu Văn phòng và Nhà ở cao cấp Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiến, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội). Với các nội dung sau:

- Thời hạn thuê: 44 năm bắt đầu từ ngày 15/10/2014;
- Tổng số tiền thuê: 11.962.650.000 VND (đã bao gồm VAT 10%);
- Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền của hợp đồng nêu trên trong năm 2014.

110
 ĐĂNG
 KÝ
 AA
 DAN K

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND		VND		VND	VND	
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	-		2.934.265.600		414.744.673		3.349.010.273
- Mua trong năm	1.472.886.364		949.181.818		41.895.000		2.463.963.182
Số dư cuối năm	1.472.886.364		3.883.447.418		456.639.673		5.812.973.455
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	-		1.440.934.531		226.305.553		1.667.240.084
- Khấu hao trong năm	192.877.976		401.540.769		46.202.027		640.620.772
Số dư cuối năm	192.877.976		1.842.475.300		272.507.580		2.307.860.856
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	-		1.493.331.069		188.439.120		1.681.770.189
Tại ngày cuối năm	1.280.008.388		2.040.972.118		184.132.093		3.505.112.599

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.494.154.545 VND.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	2.670.500.000	2.620.500.000
- Dự án nhà kho tại Xã Tiên Dương - Đông Anh - Hà Nội ^[1]	2.670.500.000	2.620.500.000
	2.670.500.000	2.620.500.000

^[1] Theo Hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 theo hình thức tài sản đồng kiểm soát giữa Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội và các bên là: Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội đã thống nhất thực hiện góp vốn để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất. Theo đó, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội là đơn vị đại diện thực hiện các thủ tục và theo dõi chi phí của dự án.

- Địa điểm thực hiện tại: Xã Tiên Dương - Huyện Đông Anh - Thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan; Giấy chứng nhận quyền sử dụng lô đất do Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đứng tên. Các bên góp vốn sẽ được sử dụng sản phẩm là một phần diện tích của khu đất tương ứng với tỉ lệ góp vốn/ tổng mức vốn đầu tư của dự án;
- Tổng vốn góp dự kiến: 7.662.000.000 VND, trong đó: Phần góp vốn của Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội là 25% tương đương: 1.915.500.000 VND. Theo hợp đồng này đến thời điểm 01/01/2013, Công ty đã thực hiện góp đủ số tiền theo yêu cầu của hợp đồng, tương ứng là 1.915.500.000 VND.

Năm 2013, Công ty thực hiện góp thêm số tiền là 325.000.000 VND căn cứ theo công văn số 100/CV-Hapco, số 146/CV-Hapco, số 203/CV-Hapco và số 241CV/CV-Hapco của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội.

Năm 2014, Công ty tiếp tục góp thêm số tiền là 380.000.000 VND căn cứ theo Biên bản họp ngày 08/04/2014 giữa các bên để tiếp tục đẩy nhanh tiến độ dự án, nâng tổng số vốn góp của Công ty tại 31/12/2014 là 2.620.500.000 VND. Tỷ lệ góp và tỷ lệ lợi ích vẫn giữ nguyên theo hợp đồng góp vốn số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010. Trường hợp Dự án không hoàn thành thì Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội sẽ bồi hoàn toàn bộ số tiền trên cho các nhà đầu tư.

Ngày 13/10/2015, Công ty Cổ phần In Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội đã có được Quyết định số 5262/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hà Nội về việc cho thuê 7.662 m² đất trên để xây dựng và mở rộng mặt bằng sản xuất. Công ty tiếp tục góp thêm 50.000.000 VND theo công văn số 123/CV-Hapco ngày 21/08/2015 của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội ngày 21/08/2015 để chuẩn bị cho công việc giám sát và thực thi giải phóng mặt bằng.

ĐÓNG
CHỮ
RÁCH
HÃNG
HỌ

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	3.598.512.209	3.598.512.209	5.191.550.849	5.191.550.849
- Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	4.305.042.630	4.305.042.630	3.679.590.361	3.679.590.361
- Phải trả cho các đối tượng khác	14.883.108.148	14.883.108.148	9.513.563.796	9.513.563.796
	22.786.662.987	22.786.662.987	18.384.705.006	18.384.705.006
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	11.143.048.165	11.143.048.165	10.938.257.941	10.938.257.941

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	250.815.847	716.411.891	890.261.380	-	-	76.966.358	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	435.905.687	-	2.399.426.110	1.320.818.029	-	-	642.702.394	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	132.076.260	907.215.978	985.135.119	-	-	54.157.119	-
Các loại thuế khác	-	-	9.000.000	9.000.000	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	7.273.716	7.273.716	-	-	-	-
	435.905.687	382.892.107	4.039.327.695	3.212.488.244	-	-	773.825.871	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Trích trước chi phí thường doanh số và hoa hồng môi giới	1.068.980.326	452.158.548
Trích trước chi phí bản thảo và phí phát hành	83.540.000	44.385.200
Trích trước phí quản lý xuất bản	-	154.374.560
Chi phí phải trả khác	65.000.000	70.451.900
	1.217.520.326	721.370.208

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	52.819.960	56.457.870
Các khoản phải trả, phải nộp khác	50.441.975	63.934.150
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	23.859.600	23.793.600
- Phải trả, phải nộp khác	26.582.375	40.140.550
	103.261.935	120.392.020
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	46.000.000	46.000.000
	46.000.000	46.000.000



17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	102.194.840.000	(252.296.518)	(5.822.132.335)	16.403.628.953	8.728.895.712	121.252.935.812					
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	5.291.751.087	5.291.751.087					5.291.751.087
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(15.295.600.221)	-	-	(15.295.600.221)					(15.295.600.221)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(6.828.067.200)	(6.828.067.200)					(6.828.067.200)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	(264.587.555)	(264.587.555)					(264.587.555)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(529.175.110)	(529.175.110)					(529.175.110)
Số dư cuối năm trước	102.194.840.000	(252.296.518)	(21.117.732.556)	16.403.628.953	6.398.816.934	103.627.256.813					
Tăng do tái phát hành cổ phiếu quỹ ^[1]	-	286.900.000	15.830.800.000	-	-	16.117.700.000					
Lãi trong năm	-	-	-	-	8.211.614.169	8.211.614.169					
Trả cổ tức năm 2014 ^[2]	-	-	-	-	(4.611.050.400)	(4.611.050.400)					
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.231.742.125)	(1.231.742.125)					
Thưởng cho người lao động bằng cổ phiếu ^[3]	-	634.674.000	3.170.326.000	(3.805.000.000)	-	-					
Số dư cuối năm nay	102.194.840.000	669.277.482	(2.116.606.556)	12.598.628.953	8.767.638.578	122.113.778.457					

^[1] Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 10/HĐQT-SGDHN ngày 30/11/2015, Công ty thực hiện bán cổ phiếu quỹ cho đối tác chiến lược là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam, số lượng bán là 1.900.000 cổ phiếu từ nguồn cổ phiếu quỹ công ty nắm giữ tại thời điểm 31/12/2014, giá bán là 8.500 đồng/cổ phần.

^[2] Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 03/HĐQT-SGDHN ngày 05/05/2015, Công ty thực hiện thanh toán cổ tức năm 2014 với tỷ lệ 6%/cổ phần bằng tiền mặt số tiền là: 4.611.050.400 VND.

^[3] Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 02/HĐQT-SGDHN ngày 25/04/2015, Công ty thực hiện thưởng cổ phiếu quỹ cho người lao động nhằm mục đích giữ và thu hút lao động có trình độ cao của công ty, số lượng cổ phiếu thưởng là 384.000 cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phần, nguồn thực hiện từ quỹ đầu tư phát triển.



Căn cứ theo nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 27/SGDHN ngày 10/02/2015, Công ty đã thực hiện tạm phân phối lợi nhuận kỳ này như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		8.211.614.169
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15%	1.231.742.125

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	Tỷ lệ %	01/01/2015 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	24.928.000.000	24,39%	5.928.000.000	5,80%
Mutual Fund Elite (Non- Ucits)	7.650.000.000	7,49%	7.650.000.000	7,49%
Công ty Cổ phần Đầu tư CMC	9.601.000.000	9,39%	-	0,00%
Ông Ngô Trọng Vinh	3.583.830.000	3,51%	-	0,00%
Bà Lê Thị Tuyết Nhung	3.820.000.000	3,74%	-	0,00%
Bà Ngô Phương Anh	11.695.000.000	11,44%	-	0,00%
Vốn góp tương ứng với cổ phiếu quỹ	2.539.000.000	2,48%	25.344.000.000	24,80%
Vốn góp của cổ đông khác	38.378.010.000	37,56%	63.272.840.000	61,91%
Cộng	102.194.840.000	100,00%	102.194.840.000	100,00%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.194.840.000	102.194.840.000
- Vốn góp đầu năm	102.194.840.000	102.194.840.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	102.194.840.000	102.194.840.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.611.050.400	6.828.067.200
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.611.050.400	6.828.067.200

d) Cổ phiếu

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.219.484	10.219.484
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.503.484	10.603.484
- Cổ phiếu phổ thông	12.503.484	10.603.484
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.534.400	2.534.400
- Cổ phiếu phổ thông	2.534.400	2.534.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.969.084	8.069.084
- Cổ phiếu phổ thông	9.969.084	8.069.084

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND



e) Các quỹ của công ty

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	12.598.628.953	16.403.628.953
	12.598.628.953	16.403.628.953

18. TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

a) Tài sản thuê ngoài

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.565.071.281	2.397.310.908

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không huỷ ngang theo các thời hạn:

- Từ 1 năm trở xuống	2.565.071.281	2.397.310.908
- Từ 1 năm đến 5 năm	5.572.582.094	1.256.031.149
- Trên 5 năm	10.072.079.171	9.586.097.016

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Sách và Thiết bị Trường học Phú Yên	24.390.240	-
Nhà sách Thành Nghĩa Thành phố Hồ Chí Minh	36.794.000	-
Bà Thái Thị Thu Hà	36.550.870	-
Nợ khó đòi khác	47.488.551	-

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	145.615.771.524	129.671.036.903
- Doanh thu Sách Giáo khoa	3.596.774.243	1.816.521.089
- Doanh thu Sách Tham khảo	98.480.426.828	95.430.066.957
- Doanh thu Sách Bổ trợ	10.343.418.095	10.201.323.381
- Doanh thu thiết bị giáo dục	2.628.051.837	3.900.203.545
- Doanh thu bán vật tư	2.982.034.231	1.603.357.598
- Doanh thu Văn phòng phẩm, lịch và khác	26.572.792.377	16.656.111.359
- Doanh thu Vở tự in	1.012.273.913	63.452.974
Doanh thu cung cấp dịch vụ	65.454.544	65.454.544
	145.681.226.068	129.736.491.447
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	24.487.495.398	25.323.116.857

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	101.614.783.868	100.758.880.841
- Giá vốn Sách Giáo khoa	2.931.961.326	1.419.488.808
- Giá vốn Sách Tham khảo	65.018.502.232	71.904.292.104
- Giá vốn Sách Bổ trợ	8.516.817.398	8.134.096.940
- Giá vốn thiết bị giáo dục	2.306.320.565	3.631.156.852
- Giá vốn bán vật tư	2.906.518.150	1.829.192.345
- Giá vốn Văn phòng phẩm	19.130.521.233	13.801.843.795
- Giá vốn Vở tự in	804.142.964	38.809.997
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	297.106.736	349.378.297
	101.911.890.604	101.108.259.138

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.087.827.375	3.236.195.137
Cổ tức, lợi nhuận được chia	158.881.150	122.500.000
Doanh thu từ hoạt động ủy thác đầu tư	-	196.690.381
	2.246.708.525	3.555.385.518

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.700.324	23.796.416
Chi phí nhân công	14.719.652.453	9.066.944.264
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.421.188.842	584.430.547
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.812.107	73.742.940
Thuế, phí và lệ phí	16.105.967	21.977.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.035.198.801	5.530.225.433
Chi phí khác bằng tiền	3.919.026.959	3.750.903.642
	26.146.685.453	19.052.020.286

23. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nhân công	3.310.116.651	2.650.385.781
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	815.960.518	48.435.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	610.808.665	97.222.854
Thuế, phí và lệ phí	14.564.002	19.711.207
Chi phí dự phòng	256.021.124	315.755.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.262.195.505	2.116.251.134
Chi phí khác bằng tiền	2.042.306.317	1.805.960.199
	9.311.972.782	7.053.721.798

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	10.611.040.279	7.122.902.431
Các khoản điều chỉnh tăng	510.360.380	507.730.589
Các khoản điều chỉnh giảm	(158.881.150)	(173.379.020)
Thu nhập chịu thuế TNDN	10.962.519.509	7.457.254.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 22%)	2.411.754.292	1.640.595.880
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(12.328.182)	190.555.464
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(435.905.687)	293.334.987
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.320.818.029)	(2.560.392.018)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	642.702.394	(435.905.687)

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	8.211.614.169	5.291.751.087
Các khoản điều chỉnh :		
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế	1.231.742.125	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.979.872.044	5.291.751.087
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.997.055	8.960.616
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	776	591

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.



Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 32).

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.347.809.765	17.874.228.572
Chi phí nhân công	18.029.769.104	11.717.330.045
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	2.237.149.360	632.865.912
Chi phí khấu hao tài sản cố định	640.620.772	170.965.794
Thuế, phí và lệ phí	30.669.969	41.688.251
Chi phí dự phòng	256.021.124	315.755.258
Chi phí dịch vụ mua ngoài	44.856.459.725	32.527.867.922
Chi phí khác bằng tiền	5.961.333.276	5.556.863.841
	90.359.833.095	68.837.565.595

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.339.667.711	-	13.399.903.889	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	32.592.544.626	(2.348.343.767)	26.519.346.274	(2.237.546.304)
Các khoản cho vay	34.020.000.000	-	21.705.184.245	-
Đầu tư ngắn hạn	869.736.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	750.000.000	-	930.000.000	-
	77.571.948.337	(2.348.343.767)	62.554.434.408	(2.237.546.304)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	22.935.924.922	18.551.097.026
Chi phí phải trả	1.217.520.326	721.370.208
	24.153.445.248	19.272.467.234

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong chương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.



Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.339.667.711	-	-	9.339.667.711
Phải thu khách hàng, phải thu khác	29.214.200.859	1.030.000.000	-	30.244.200.859
Các khoản cho vay	34.020.000.000	-	-	34.020.000.000
Đầu tư ngắn hạn	869.736.000	-	-	869.736.000
Đầu tư dài hạn	-	750.000.000	-	750.000.000
Cộng	73.443.604.570	1.780.000.000	-	75.223.604.570
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.399.903.889	-	-	13.399.903.889
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.171.799.970	1.110.000.000	-	24.281.799.970
Các khoản cho vay	21.705.184.245	-	-	21.705.184.245
Đầu tư dài hạn	-	930.000.000	-	930.000.000
Cộng	58.276.888.104	2.040.000.000	-	60.316.888.104

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	22.889.924.922	46.000.000	-	22.935.924.922
Chi phí phải trả	1.217.520.326	-	-	1.217.520.326
	24.107.445.248	46.000.000	-	24.153.445.248
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	18.505.097.026	46.000.000	-	18.551.097.026
Chi phí phải trả	721.370.208	-	-	721.370.208
	19.226.467.234	46.000.000	-	19.272.467.234

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Các khoản tiền và tương đương tiền do Công ty nắm giữ nhưng không được sử dụng	139.589.229	351.415.168

29. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

30. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách và thiết bị giáo dục, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.



31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Doanh thu bán hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	131.492.754	154.776.573
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	162.781.820	199.515.079
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	272.109.345	402.949.685
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	182.250.840	364.864.660
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	1.214.435.297
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	-	164.515.531
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng Tập đoàn	334.074.380	294.066.530
Công ty CP Mỹ Thuật Truyền Thông	Cùng Tập đoàn	-	474.806.410
Công ty Cổ phần Sách dân tộc	Cùng Tập đoàn	16.639.890	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	94.175.300	453.119.800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	184.895.225	86.746.200



	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	6.256.891.280	6.180.569.352
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	5.662.168.664	4.063.197.929
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	439.403.120	731.229.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	10.750.612.780	10.538.324.811
Mua hàng hóa, dịch vụ, tổ chức bản thảo			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	-	23.508.182
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	38.368.040	30.103.638
Tạp Chí Văn học và Tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	15.792.550	12.583.250
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	Cùng Tập đoàn	29.820.740	32.524.950
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.140.172.200	5.124.813.925
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	404.925.557	275.851.602
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	62.970.000	326.285.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	Cùng Tập đoàn	2.032.007.268	926.073.811
Công ty Cổ phần Mỹ Thuật Truyền Thông	Cùng Tập đoàn	21.937.069	56.632.808
Công ty Cổ phần Sách và thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	343.382.800	31.821.400
Công ty Cổ phần Sách dân tộc	Cùng Tập đoàn	2.086.220.207	26.551.050
Công ty Cổ phần Sách dịch và từ điển Giáo dục	Cùng Tập đoàn	42.627.547	723.334
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	19.100.000	79.800.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.732.524.513	2.955.330.662
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	15.621.877.420	14.696.320.640
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	5.021.326.771	923.948.567
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	2.511.462.120	1.382.681.555
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	2.984.791.631	1.568.403.334
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Cùng Tập đoàn	-	100.434.400
Cổ tức được chia			
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	112.500.000	112.500.000



Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty mẹ của Tập đoàn	741.062.393	246.879.716
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Trường học Quảng Ngãi	Cùng Tập đoàn	45.655.940	185.789.329
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hòa Bình	Cùng Tập đoàn	72.782.314	122.848.494
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	Cùng Tập đoàn	-	40.949.685
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	-	350.104.838
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	Cùng Tập đoàn	-	164.823.580
Công ty Cổ phần Mỹ Thuật Truyền Thông	Cùng Tập đoàn	180.217.302	329.794.998
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cùng Tập đoàn	6.200.000	255.407.500
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Cùng Tập đoàn	1.039.833.429	364.084.804
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	535.293.378	774.991.280
Phải trả cho người bán ngắn hạn			
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	-	204.797.281
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	Cùng Tập đoàn	96.908.822	-
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Cùng Tập đoàn	135.215.602	-
Công ty Cổ phần Sách và thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Cùng Tập đoàn	97.932.888	-
Công ty Cổ phần Sách và thiết bị Giáo dục Miền Trung	Cùng Tập đoàn	1.474.410.330	-
Tạp chí Toán học và tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	10.159.544	26.413.004
Tạp chí Văn học và tuổi trẻ	Cùng Tập đoàn	5.512.550	-
Tạp chí Toán Tuổi Trẻ	Cùng Tập đoàn	9.085.100	12.775.950
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cùng Tập đoàn	3.598.512.209	5.191.550.849
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	147.836.615	384.866.615
Công ty Cổ phần Sách dân tộc	Cùng Tập đoàn	99.499.339	502.612.760
Công ty Cổ phần Sách dịch và từ điển Giáo dục	Cùng Tập đoàn	27.569.535	17.148.775
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cùng Tập đoàn	146.536.500	377.436.500



	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cùng Tập đoàn	66.229.000	251.124.225
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	4.305.042.630	3.679.590.361
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Cùng Tập đoàn	922.597.501	289.941.621
Ứng trước cho người bán			
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Cùng Tập đoàn	1.512.216.427	-
Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:			
		Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT		1.743.115.533	1.547.773.915



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội

Nhà D, Tầng 2, Khu VP Vinaconex1, 289A Khuất Duy Tiến, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC		Chênh lệch
Mã số	Tên khoản mục	Số trước điều chỉnh	Số sau điều chỉnh	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
121	Đầu tư ngắn hạn	21.705.184.245		(21.705.184.245)
131	Phải thu khách hàng	24.043.426.259	14.000.000.000	14.000.000.000
132	Trả trước cho người bán	5.111.428.431	7.705.184.245	7.705.184.245
135	Các khoản phải thu khác	704.398.641	24.043.426.259	-
158	Tài sản ngắn hạn khác	661.521.374	5.111.428.431	-
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.237.546.304)	1.365.920.015	661.521.374
154	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	435.905.687	(2.237.546.304)	-
218	Phải thu dài hạn khác	950.000.000	435.905.687	-
268	Tài sản dài hạn khác	160.000.000	1.110.000.000	160.000.000
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.620.500.000	-	(160.000.000)
258	Đầu tư dài hạn khác	930.000.000	2.620.500.000	-
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		930.000.000	-
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		14.000.000.000	(21.705.184.245)
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn		7.705.184.245	14.000.000.000
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng		24.043.426.259	7.705.184.245
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn		5.111.428.431	-
136	Phải thu ngắn hạn khác		1.365.920.015	661.521.374
155	Tài sản ngắn hạn khác		-	(661.521.374)
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.237.546.304)	-
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		435.905.687	-
216	Phải thu dài hạn khác		1.110.000.000	160.000.000
268	Tài sản dài hạn khác		-	(160.000.000)
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		2.620.500.000	-
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		930.000.000	-



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội
 Nhà D, Tầng 2, Khu VP Vinacorex I, 289A Khuất Duy Tiến, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội

Báo cáo tài chính
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Mã số	Tên khoản mục	Số trước điều chỉnh	Mã số	Tên khoản mục	Số sau điều chỉnh	Chênh lệch
-------	---------------	---------------------	-------	---------------	-------------------	------------

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

312	Phải trả người bán	18.384.705.006	311	Phải trả người bán ngắn hạn	18.384.705.006	-
313	Người mua trả tiền trước	10.905.132	312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	10.905.132	-
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	382.892.107	313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	382.892.107	-
315	Phải trả người lao động	1.864.841.035	314	Phải trả người lao động	1.864.841.035	-
316	Chi phí phải trả	721.370.208	315	Chi phí phải trả ngắn hạn	721.370.208	-
319	Các khoản phải trả, phải nộp khác	120.392.020	319	Phải trả ngắn hạn khác	120.392.020	-
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	246.394.447	322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	246.394.447	-
333	Phải trả dài hạn khác	46.000.000	337	Phải trả dài hạn khác	46.000.000	-
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	102.194.840.000	411	Vốn góp của chủ sở hữu	102.194.840.000	-
414	Cổ phiếu quỹ	(21.117.732.556)	411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	102.194.840.000	-
417	Quỹ đầu tư phát triển	14.778.425.126	415	Cổ phiếu quỹ	(21.117.732.556)	-
418	Quỹ dự phòng tài chính	1.625.203.827	418	Quỹ đầu tư phát triển	16.403.628.953	1.625.203.827
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.398.816.934	421	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.398.816.934	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	1.900.828.512	-
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	4.497.988.422	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

24	Chi phí bán hàng	19.052.020.286	25	Chi phí bán hàng	19.052.020.286	-
25	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.053.721.798	26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.053.721.798	-



Chỉ tiêu được điều chỉnh hồi tố: Trong năm 2015 Công ty thưởng cổ phiếu quý cho người lao động nhằm mục đích giữ và thu hút lao động có trình độ cao của Công ty. Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 "Lãi cơ bản trên cổ phiếu", số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm đã được điều chỉnh hồi tố cho kỳ so sánh năm 2014 như sau:

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
Báo cáo kết quả kinh doanh			
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	591	617



Cần Hữu Hải
Giám đốc
Hà Nội, ngày 19 tháng 02 năm 2016

Phạm Thị Hạnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Cẩm Hương
Người lập